

LỜI NÓI ĐẦU

Một ông bạn già bảo Soạn giả: “Suốt đời anh chỉ lấy số giúp cho người, Tài Tử thế. Nếu không thích hành nghề, thì sao chẳng viết sách đi? Môn Bát Tự Hà Lạc của anh có cỡ lắm rồi đấy!”.

Chỗ thân nên mới trả lời văng mạng rằng: “Cớ gì! mắc cỡ thì có. Nào đã biết gì đâu mà viết với lách. Học số tuy gần 40 năm thật, nhưng lẽ quyển Kinh Dịch chưa sòn, chứ đừng có nói là đã hân hạnh dứt lấy một lần, thì phỏng viết sách ra có ích gì, hay chỉ làm thiệt lấy đôi ba ram giấy và ít ký mực của học sinh nghèo”.

Ông bạn nghe xong mỉm cười rồi lại nghiêm nét mặt mà nói: “Chà! mặc cảm vừa vừa thôi chứ. Tuổi anh nay mai sắp sang tuần “Thất - Thập cổ lai hi rồi”, liệu ít nữa, xuống lòng đất mẹ có mang được tí sở học đi không? Mà nếu thiên hạ ai cũng nghĩ (Tếu) như anh cả, thì rồi môn BÁT - TỰ HÀ - LẠC đến mất giống ư?”

Tuy câu chuyện đối đáp tầm phào như trên, mà rồi cũng làm cho đầu óc phải suy nghĩ. Soạn giả tự nhủ: “Ừ, anh bạn nói cũng có lý. Như người học Phật có ứng khẩu được KỆ mới là hiểu KINH. Học sách Thánh Hiền mà không làm được bài vở gì thì sao gọi là triết học. Suốt đời chưa trình làng được một chữ nghĩa nào về LÝ - SỐ, thì rồi đây, khi sang thế giới bên kia lỡ gặp các Cụ: Chu Công, Khổng Tử, Trần Đoàn, Thiệu Khang Tiết v.v... liệu các Cụ có để yên cho hay không, hay Khai trừ thẳng cánh”. Nghĩ vậy mà thấy rờn rợn góc gáy, nên rắp tâm phải viết một cái gì về LÝ SỐ, mặc dù vẫn viết rằng: Viết ra thì cũng tội, mà không viết ra cũng tội.

Nhưng viết gì đây?

Tử Vi, KINH DỊCH, MAI HOA, KỶ MÔN, GIÁP ĐỘN v.v... đều đã đủ mặt ở thị trường sách vở từ trong Thư Cục, Ấn Quán cho ra đến vỉa hè. Nhìn kỹ thì thấy thiếu BÁT TỰ và HÀ LẠC LÝ SỐ là 2 môn thịnh hành nhất ở các phố Hoa Kiều.

Gần đây, tình cờ gặp một thầy Tướng Số, người Hoa Kiều là chỗ quen nên ông ta hỏi: “Học giả Việt Nam các ông chỉ có lấy Tử Vi thôi, không ai biết lấy BÁT TỰ và HÀ LẠC à?”.

Chẳng lẽ soạn giả lại vô lễ nổi xung lên, nhưng liền nhớ ngay câu chuyện đối thoại xưa giữa YẾT KIỂU đực thuyên và giặc Nguyên, nên cũng bắt chước lối hiên ngang mà trả lời rằng: “Học giả Việt chúng tôi, trừ hạng tôi ra, lấy đầu mà đong không hết, còn ai cũng uyên thâm đủ các môn NHÂM, CÂM, ĐỘN, TOÁN cả, con cháu Trạng Trình mà không tinh thông sao được. Ông đã đọc Sử nước tôi chưa? Sở dĩ chúng tôi chỉ lấy Tử Vi thôi, là vì khoa ấy dễ phổ biến hơn hết”.

Ông thầy Tàu ngồi im. Lời của ông tuy không có gì là kỳ thị Văn Hóa, nhưng vô tình đã lừa ngọn roi châm chọc vào bên cạnh sườn Học Vấn gầy còm của Soạn giả, khiến hấn này phải có một quyết định như câu Dịch, hào 3 quẻ quải: “Quyết quyết độc hành”.

Thôi, đúng cũng là số đến ngày phải cầm bút rồi, mặc dầu đây không phải là “Bút Mộng Hoa” của Thi Hào Lý Bạch chi cả mà chỉ là bút rỉ mực cợn, đi đôi với bộ mắt đã mờ, gân tay đã mỏi, nhưng cũng cứ cố gắng và mạo muội vạch ra cuốn BÁT TỰ - HÀ LẠC này.

Xin tâm thành gọi là chút quà mọn tinh thần, Kính gửi đến gần xa quý vị xem chơi.

TẠI SÀI GÒN NGÀY GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG NĂM QUÝ SỬU 1973

**SOẠN GIẢ CẢN CHÍ
HỌC NĂNG**

TỰA

Nếu tựa quy định người viết sách phải trình bày ý hướng của mình (Tự: TRẦN THUẬT trước tác giả chi ý thú tác giả. TỰ HẢI) thì nơi đây xin kính cẩn trần thuật như sau:

Ý kiến sách này có 2 mục tiêu:

Một là: Muốn phổ thông hóa một môn học về ĐỊNH MỆNH thuộc trình độ cao hơn Phổ Thông, nguyên nhân: LÝ SỐ HÀ LẠC từ xưa, vẫn được coi như là một môn học khó hiểu, chỉ có một số ít Học giả khá chữ Nho và chuyên Kinh Dịch mới nghiên cứu thôi. Một bác Đại Hiền đời Tống, Trần Y Xuyên Tiên Sinh đã phải nói là: HÀ - LẠC... cực chính đại, không nên khinh thường, đem truyền thụ cho bọn Phạm Tục (Cực chính đại, bất khinh di truyền thụ dung tục chi bối – HÀ LẠC LÝ SỐ quyển 1) ở một thời đại Nho Học cực thịnh, cách đây gần 10 thế kỷ, mà còn có câu ấy.

Hướng chi ngày nay ở nước ta, NHO HỌC đã hờ tàn, mà người nghiên cứu KINH - DỊCH cũng hiếm có, nếu cứ tình trạng này mà lơ là, ngại khó thì ắt hẳn không chóng thì chầy môn HÀ LẠC sẽ mai một dần dần rồi biến mất, trên quê hương của những Đại gia Lý Số, Trạng Trình, Trạng Bùng v.v...

Chỉ vì nghĩ vậy mà điếc không sợ súng, sách này dám cả gan đem môn Hà Lạc ra phiên dịch, phần dịch, phần biên soạn thành chữ Quốc Ngữ để mong đem phổ biến rộng rãi giữa đám bà con anh em những kiến thức mà xưa nay người ta vẫn coi như vừa Huyền Bí vừa Bí Truyền. Sách này còn dám kỳ vọng rằng: Bất cứ độc giả nào, không cần biết một nét chữ Nho, chỉ cần xem kỹ, cũng có thể tự lấy và tự giải đoán được quẻ Hà Lạc. Nếu đạt được kết quả ấy thì HÀ LẠC mới có đất đứng ở giữa khoảng vườn rộng rãi, cây HÀ LẠC mới nhìn thấy bóng mặt trời, mới nở ngành xanh ngọn, phát huy được tinh hoa, để mang lại một cảm hứng mới cho các bạn hiếu học, và để ganh đua với nhiều Môn học khác như Tử Vi, Chiêm Tinh Học, Bốc Dịch... Kể ra cũng là một việc làm khá mạo muội như muốn san quả đồi thành đường phẳng để đi, nhưng sờ dẫm soạn giả dám làm là vì có một sức tin tưởng mãnh liệt vào Trí tuệ thông minh và đức kiên nhẫn của bà con anh em người Việt chúng ta, bao giờ cũng tìm hiểu đến nơi và không bao giờ chịu lùi bước trước một vấn đề khó hiểu nào.

Tất có bản sẽ hỏi: Làm một việc có ý cầu kỳ như trên, để nhằm mục đích gì? Phải chăng cũng chỉ là tiếp tay vào với Cao Trào Tướng số đương lên, là a dua với (bọn thầy Mù gỡ gạo) như lời cụ Phan Bội Châu đã nói, là đổi món thuốc độc để mê hoặc lòng người, làm giảm mất CHÍ - TỰ - CƯỜNG và ĐỨC - TỰ - TIN của DÂN TỘC mà cuộc HÒA BÌNH sắp thực hiện cần phải tái Võ Trang tinh thần trong công cuộc cấp bách tranh thủ TỰ DO và điều kiện SINH TỒN hợp lý với Thế giới? Câu hỏi trên này quả có nghiêm nghị và xác đáng. Ấy cũng chỉ vì soạn giả không muốn chia xẻ cái quan niệm của Cao Trào Tuyệt Đối Tin Tưởng Định Mệnh mà sách này mong đạt một mục tiêu thứ 2 là: Tương đối hóa niềm tin Định Mệnh. Thật vậy, dù người ta sinh ra có SỐ, nhưng không sao có thể nghĩ được rằng: Ở giữa thời đại nguyên tử ngày nay, con người vẫn còn, như muôn ngàn kiếp xưa, chỉ là cái công cụ của Tạo hóa như cái máy lò so, để thi hành mệnh lệnh của Trời theo câu thường nói: “Một miếng ăn, một hớp uống cũng đều do Tiên định (Nhất ẩm nhất trác giai do Tiên định), hoặc: “Bất phong trần phải phong trần, cho thanh cao mới được phần thanh cao” (Kiều).

Hãy xem lại Kinh Dịch. Ta sẽ thấy ở đây một niềm sáng khoái vô biên, con người đã được công nhận là 1 đáng trong 3 Ngôi (Tam Tài: THIÊN, ĐỊA, NHÂN) có đường lối tự quyết cũng như TRỜI ĐẤT để điều hành VŨ TRỤ (hữu thiên đạo yên hữu nhân đạo yên, hữu địa đạo yên, Hê Tử Hạ) Há rằng người lại thất thế, trệt xuống ngang hàng với muôn loài để cũng bị động như chúng, làm nô lệ cho trời đất, vốn là 2 Đồng Liêu thượng đỉnh vẫn ngồi bên cạnh mình, trong TAM ĐẦU CHẾ nói trên? Có lẽ, cái

chức vụ tối cao kia đã bị người ta quên lãng lâu ngày, nên một nhóm TỔNG NHO LÝ HỌC bèn quát khởi lên để nhắc lại quyền ấy, trong nhóm tiêu biểu nhất có Thiệu Khang Tiết Tiên Sinh đã nêu cao ngọn cờ TỒ SU' TRẦN ĐOÀN để dâng cho loài người chữ lý số làm liều thuốc cấp thời chữa bệnh cứng rắn và ngoan cố của SỐ MỆNH.

Vinh dự nước Việt Nam ta cũng có đóng góp nhiều danh nhân vào ngành Lý Học này. Tay cự phách nhất là cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm mà người Trung Hoa xưa phải tôn trọng với câu (An Nam Lý Học hữu Trình Tuyền).

- Trên vừa nói: Lý chữa bệnh được cho Số, tại sao? Số và Lý là cái gì? Ta thử xét xem. Ai cũng biết, Số do trời sinh ra bằng Năm, tháng, ngày giờ sinh bất di bất dịch. Số là vật bất biến. Trời nắm quyền số (Nam Tảo Bắc Đầu). Vậy còn Lý về ai, nếu không về tay người, Lý duy ở tư tưởng người mà có, tất cả cái gì không do trời là Lý sáng tạo ra hết, cả về vật chất lẫn tinh thần. Lý biến Dịch vô cùng qua thời gian, không gian và qua cả tư tưởng thời đại của con người nữa; nên Văn minh của nhân loại từ thuở Hồng Hoang cho đến thời kỳ toàn thể thành Phật thành Tiên sau này đều cũng bởi người làm ra cả. Vậy thì Lý còn nặng đồng cân hơn. Số mà không Lý thì thật là vô lý. Nếu chỉ có Số không thôi, thì chim muông vạn vật đều có số cả, vì đều có ngày tháng sanh đẻ, đâu kém chi người. Sở dĩ chúng không có óc sáng tạo như người nên chỉ có Số mà không có Lý, Thiệu Ung tiên sinh rất coi trọng Lý nên nói rằng: (Phải sáng cái Lý trước khi khởi cái Số. Vì lấy Số mà không suy Lý là không được vậy. Khởi Số tất tiên minh Lý. Cái Số bất suy Lý thì bất đắc giả. MAI HOA DỊCH SỐ). Sách Tử Bình cũng ca tụng (Đo được cái Lý thì có thể biết được đến chỗ tuyệt diệu của điều U Vi, Độ Lý khả tri U Vi chi diệu).

Phạm Vi loại sách thực hành như quyển Hà Lạc này không cho phép bàn rộng về thuyết của chữ Lý (Xin xem lời phiếm bàn ở trang...) nên có điều nhận xét sau đây: Nếu người cũng tin Lý như tin Số thì có thể đi tới kết quả là: Người có thể cải tạo được phần nào Số mình. Nói một cách khác, người sẽ tự tạo lấy cho mình, một Định mệnh mới, nó tuy không thỏa mãn được hoàn toàn ý mình, nhưng cũng không quá lệ thuộc vào ý trời nữa.

Đó thiết tưởng là cái thâm ý trong tinh thần Lý Số HÀ LẠC như soạn giả đã tìm hiểu. Để xác định, xin tạm dùng phương trình thức sau đây:

SỐ + LÝ = ĐỊNH MỆNH

SỐ có thể vi với HẰNG SỐ (như số Pi π không thay đổi).

LÝ có thể vi với BIẾN SỐ (thay đổi).

ĐỊNH MỆNH tức như HÀM SỐ vậy.

Đặt phương trình thức như trên là có ý muốn trình bày rằng: Người có Lý phải chịu lấy trách nhiệm của mình chứ đừng cái gì cũng nhất nhất đổ tại trời. Nhân loại hung suy, dân tộc tồn vong, cá nhân thành bại, đều do tự mình một phần lớn, há rằng cứ oán trời, kêu đất trách người khác hay sao.

THƯỜNG NHẬN THẤY RẰNG:

Các bậc Học giả xưa, rất dè dặt việc viết sách. Sách nào thật hữu ích cho đời thì mới viết. Đối với hiện tình hiện trạng của dân ta, cứ thực mà nói, thì còn nghèo nàn về Kinh tế, nhá nhem về Khoa học và dở dang về Đạo đức, nếu loại sách Số Tướng còn hữu ích chẳng nữa, thì cũng chỉ hữu ích vào hàng thứ sau cùng, sau những loại sách cần thiết để nâng cao mức sống cho dân lành, mở mang tri thức cho người thất học, và làm lại tinh thần cho bọn sa ngã vong thân. Đó là một lẽ khiến sách Hà Lạc này dùng dằng mãi mới dám ra đời.

LẠI VÓN NGHĨ RẰNG:

Trong hàng ngũ Văn hóa cổ truyền, tuy thưa như sao buổi sáng, như lá mùa thu, nhưng vẫn hãy còn một số các Cụ Túc Nho bậc trưởng Thượng, đã đâu đến vai mình được biên soạn loại sách này. Đó là một lẽ thứ hai bất buộc phải chờ, chờ mãi, nay mới dám cho ra.

Là quyển đầu tiên về Hà Lạc, LÝ SỐ bằng QUỐC VĂN, Tất nhiên sách này thiếu hẳn kinh nghiệm đáng lẽ được rút ra, nếu có, ở các sách đã dịch rồi của các bậc Tiên Bối hay quý vị đàn anh.

Đọc lời Đề bạt trong cuốn Chu Dịch của Cụ Phan, mà hướng hổ thẹn cho cái tài sơ học thiển của mình. Đến như Cụ mà còn phải nói: (Ý kiến có chồn làm lỗi, chữ nghĩa có nhiều chồn quê mùa, xin nhờ các bậc cao minh bổ dạy cho...) Hướng chi tầm thường Vu Lịch là kẻ soạn sách này, những mong quý vị học giả bốn phương lượng tình chỉ bảo.

Tại Sài Gòn ngày Tiết Vu Lan rằm Tháng 7 năm Quý Sửu
Soạn giả Cần Tự
Học Năng

PHẠM LỆ

I. Sách này chính là sách HÀ LẠC nhưng để chữ BÁT TỰ lên trên để nhấn mạnh rằng: Muốn lấy HÀ LẠC hay các môn khác như Mệnh học, hay Mệnh lý, Tử Bình, Lương Đầu Kiểm Toán Pháp v.v... đều phải bắt đầu bằng BÁT TỰ cả. Sách này chỉ dẫn đủ phương pháp để lấy Bát tự và có cả phần Bách Niên Lịch bằng Việt Ngữ để tiện dùng.

II. Sách này tuy Căn bản lấy ở quyển HÀ LẠC LÝ SỐ của TRẦN HY DI Tiên sinh nhưng là sách biên soạn vì những lý do:

- a). Chỉ trích dịch những đoạn chính, những phần chính của sách nói trên.
- b). Có Bố cục riêng không giống như sách trên.
- c). Có tham khảo nhiều sách khác.
- d). Có nhiều đoạn hoàn toàn do người Biên soạn sáng tác.

III. Mạch lạc của sách này đại khái trình bày theo thể thức sau đây:

A, B, C, D là CHƯƠNG (gồm nhiều Mục).

I, II, III v.v... là Mục (gồm nhiều Tiết)

1, 2, 3 v.v... là Tiết (gồm nhiều Đoạn)

a, b, c v.v... là Đoạn.

IV. Sách này hoàn toàn là loại sách Lý Số, tức là thực hành phần Hình nhi Hạ của triết lý Kinh Dịch, chứ không có lý thuyết về Dịch lý như phần Hình nhi Thượng.

V. Sách này hướng nhiều về giới Trí thức bình dân và các bạn trẻ (thanh niên, sinh viên, học sinh) nên:

- Hết sức tránh những danh từ chữ Nho khi không cần thiết.
- Cố gắng phổ thông hóa lời Văn (có khi đến sơ bỏ suồng sã) tất nhiên không làm vui lòng nhiều quý vị Học Giả nghiêm trang sẽ cho thế là làm giảm giá mất mọt môn học vi diệu của Thánh Hiền.

- Một số chữ cổ mỗi sách phiên âm một khác. Sách này tin ở quyển Chu Dịch của Phan Sào Nam. Tiên sinh Phan Bội Châu hơn cả; phần chám câu, nghĩa Hào Từ cũng căn cứ nhiều vào sách ấy.

- Một số danh từ dùng về thời Phong kiến như Quân (vua) Sĩ (xuất chinh làm Quan), triều đình, những chức tước ngày nay không còn như Đại thần, Trung thư, Chi đạo... nay có thể thay thế bằng những tiếng hiện đại như Nguyên thủ, Công, Tư chức...

VI. Sách này cũng dùng phương pháp giáo khoa nên:

- Sau mỗi chương, thường có một bài tóm lược. Xem tóm lược trước để lấy ý Khái quát rồi sau hãy xem vào Chương thì khỏi bỏ ngỡ. Xem toàn chương xong, lại xem tóm lược nữa thì sẽ thấu đáo. Đó là lối Bác Văn Ước Lễ của cổ nhân.

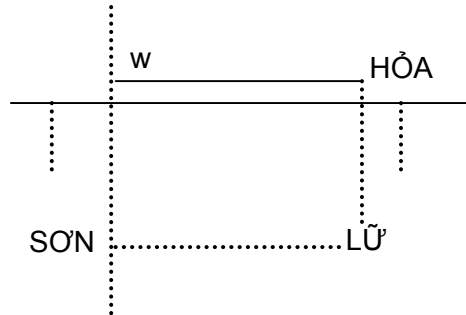
Sau bài Tóm lược có bài Thực Tập như lối học Toán Lý Hóa. Viết để làm bài trước, xong rồi hãy nhìn vào giải đáp để kiểm soát. Làm kỹ thực tập ở sách này và làm thêm ra ngoài nữa thì không mấy chốc mà thành nhà Lý Số Học. Đó là phương pháp Cổ điển Học Nhi Thời Tập Chi mà ngày nay kêu là Lý thuyết và Thực hành đi đôi.

VII. Phần Cước chú, sở dĩ họa là có mấy tiếng Pháp, là vì khi gặp một vài danh từ chuyên khoa (Toán, Triết v.v...) đem so sánh với một tiếng ngoại ngữ, thiết tưởng càng làm sáng tỏ nghĩa thêm. Ngoài Cước chú ra, lại có phần lưu ý, đó là lời bổ túc rất cần thiết cho đoạn sách vừa trình bày, hoặc để lưu ý độc giả vào một đoạn nào quan trọng.

VIII. Phần II, Chương D, sau mỗi quẻ Hào, có một câu thơ thoát dịch ở thơ chữ Hán sách Hà Lạc ra. Có một số câu nghĩa rất Huyền bí như lời Sấm Vỹ, nên phiên âm Nguyên văn để quý vị Học Giả cùng nghiên cứu (Đại khái như những câu thơ ở: Hào

5 quẻ Thái, Hào 6 quẻ Bĩ, Hào 4 quẻ Đại Hữu, Hào 4, Hào 5 quẻ Ly, Hào 2, Hào 5 quẻ Đại Tráng, hào 4 quẻ Tấn).

XI. Cuối Chương D, có Đồ biểu Tổng quát 64 quẻ để tìm số trang của quẻ. Ví dụ: Muốn tìm quẻ Hỏa Sơn Lữ trang nào? Thì tìm chữ hỏa ở hàng ngang, chữ Sơn ở hàng dọc (cũng như cách tìm số ở bảng Cửu Chương). Từ chữ Hỏa lấy ngón tay vạch thẳng xuống, từ chữ Sơn vạch qua ngang, 2 vạch sẽ gặp nhau ở ô vuông góc thấy chữ Lữ trạng...



X. Ở Phụ Chương, có quyển BÁCH NIÊN LỊCH do ông Long Vân Vũ Mạnh Yên vui lòng dịch giúp ở Lịch Trung Hoa ra. Lịch tuy chưa được đầy đủ, xong ít nhất cũng giúp cho ta tra được Can Chi ngày sanh và 24 tiết khí của trăm năm, trăm tuổi.

CHƯƠNG A



BÁT TỰ: BÀO THAI CỦA SỐ HÀ LẠC

Muốn lấy số Hà Lạc, trước hết phải đổi năm tháng ngày giờ sinh ra Bát tự đã, rồi đổi Bát Tự ra số Âm số Dương của Hà Đồ Lạc Thư, sau rồi lại đổi số Âm Dương ra thành quẻ Dịch. Quẻ Dịch lại đổi thành quẻ Hà Lạc để tìm hiểu Mệnh Vận con người. Như vậy từ Bát Tự đến số Hà Lạc, đã có 3 lần chuyển hình. Có thể vì quá trình biến hóa này với quá trình thay đổi hình dạng của trứng Ngài ra con Tằm, Tằm ra Nhộng và Nhộng ra Bướm.

Số Hà Lạc đã thoát thai từ Bát Tự cho nên nói rằng: Bát Tự là bào thai của Hà Lạc, hay nói ngược lại: Hà Lạc là Bát Tự đã chuyển hình. Bát Tự là cái cồng chung mà nhiều môn học phải đi qua trước khi phân ngành (như trên phạm lệ đã nói).

I. Bát tự là gì?

Theo đúng nghĩa, Bát Tự là 8 chữ, Tại sao gọi là 8 chữ? Thưa rằng: Dù lấy bằng phương pháp nào? số ai cũng phải có 4 yếu tố thì mới lập thành được. Đó là:

Năm sinh tức tuổi

Tháng sinh

Ngày sinh

Giờ sinh.

Mỗi yếu tố ấy diễn ra bằng 1 Can và 1 Chi. Vậy 4 yếu tố diễn ra bằng 4 Can và 4 Chi, tổng cộng là 8 chữ hay bát tự vậy.

Ví dụ: Ông A năm nay 53 tuổi, sinh tháng 4, ngày 21, giờ Thìn, An ra bát tự là:

Năm Tân Dậu (Tân là Can, Dậu là Chi).

Tháng sinh Quý Tỵ (Quý là Can, Tỵ là Chi).

Ngày Tân Mão (Tân là Can, Mão là Chi).

Giờ Nhâm Thìn (Nhâm là Can, Thìn là Chi).

Vấn đề đặt ra ngay bây giờ là phải biết thế nào là Can, thế nào là Chi? mà nhà Lý Số thường gọi là Thiên Can và Địa Chi, có nghĩa là Can của Trời, Chi của Đất, hai thứ ấy phối hợp nhau mới sinh ra con người.

Đối với vị nào đã có chữ Nho, hay đã biết Tử vi, thì Can Chi là chuyện dễ ợt. Nhưng vị nào mới bước chân du ngoạn lần đầu vào địa hạt Lý Số thì, dù thông minh đến đâu cũng nên chú ý ngay từ những bài đầu tiên, nhiên hậu mới theo dõi được môn Hà Lạc là môn học khá sâu xa mà các cụ nhà Nho xưa cũng không dám coi thường, vì nhất nhất là môn này dựa vào Dịch Lý.

II. 10 Can và 12 Chi (thập Can và thập nhị Chi).

Trên Trời dưới đất chỉ có 10 Can và 12 Chi, phối hợp với nhau mà Vũ Trụ vận hành, thời gian, không gian, nhân gian biến chuyển vô cùng tận.

10 Can là:

- Đọc xuôi:

- | | | |
|---------|-----------------|-------------------------|
| 1. GIÁP | (viết tắt là G) | - thuộc Dương hành Mộc. |
| 2. ẤT | (viết tắt là Â) | - thuộc Âm hành Mộc. |
| 3. BÍNH | (viết tắt là B) | - thuộc Dương hành Hỏa. |
| 4. ĐINH | (viết tắt là Đ) | - thuộc Âm hành Hỏa. |
| 5. MẬU | (viết tắt là M) | - thuộc Dương hành Thổ. |
| 6. KỶ | (viết tắt là K) | - thuộc Âm hành Thổ. |
| 7. CANH | (viết tắt là C) | - thuộc Dương hành Kim. |

8. TÂN (viết tắt là T) - thuộc Âm hành Kim.
 9. NHÂM (viết tắt là N) - thuộc Dương hành Thủy.
 10. QUÝ (viết tắt là Q) - thuộc Âm hành Thủy.

Tất cả 5 Can Âm và 5 Can Dương, đều thuộc vào Ngũ hành (Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ) và chia đều nhau cứ 2 Can chung 1 Hành.

- Đọc ngược (cần biết đọc ngược để nhiều khi dùng đến tính cho lạ).

Q. N. T. C. K. M. Đ. B. Â. G.

12 CHI là:

- Đọc xuôi:

1. Tý thuộc Dương hành Thủy
2. Sửu thuộc Âm hành Thổ
3. Dần thuộc Dương hành Mộc
4. Mão thuộc Âm hành Mộc.
5. Thìn thuộc Dương hành Thổ.
6. Tỵ thuộc Âm hành Hỏa.
7. Ngọ thuộc Dương hành Hỏa.
8. Mùi thuộc Âm hành Thổ.
9. Thân thuộc Dương hành Kim.
10. Dậu thuộc Âm hành Kim
11. Tuất thuộc Dương hành Thổ
12. Hợi thuộc Âm hành Thủy.

- Tổng cộng là 6 Chi Âm và 6 Chi Dương, đều thuộc vào Ngũ hành. Cứ mỗi Ngũ hành kiêm 2 chi, chỉ trừ hành Thổ kiêm 4 chi (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi). Có thể thắc mắc vì sao hành Thổ tham những vậy? Riêng mình chiếu 4 Chi, trong khi mọi hành khác, chỉ được 2 chi, rất dễ hiểu.

Chỉ làm con tính chia nhò:

$$\begin{array}{r|l} 12 \text{ CHI} & 5 \text{ Hành} \\ \hline 2 & 2 \text{ Chi} \end{array}$$

Mỗi hành 2 Chi còn dư 2 Chi, chia nữa thì lẻ loi, mà để thì các Hành nhóm ngó tranh giành nhau. Ông hành Thổ vốn người Trung ương, có quyền hơn, nên lấy 2 chi dư là danh chính ngôn thuận. Vì vậy ông Hành Thổ được quyền hưởng 4 chi, chứ chẳng phải là tham những gì cả.

Đọc ngược:

Hợi, Tuất, Dậu, Thân, Mùi, Ngọ.

Tỵ, Thìn, Mão, Dần, Sửu, Tý.

III. Một phương pháp để dễ nhớ Can Chi

Muốn dễ nhớ Can Chi, thì phải thể hiện nó lên trên vật gì cụ thể. Những vật ấy là:

1. Bàn tay 10 Can.
 2. Bàn tay 12 Chi.
 3. Địa bàn 12 Cung (Vấn dùng vào Tử Vi).
- Bàn tay 10 Can Bàn tay 12 Chi

Địa bàn 12 cung

6 TỶ ÂM Hỏa	7 NGỌ DƯƠNG hỏa	8 MÙI ÂM Thổ	9 THÂN DƯƠNG Kim
5 THÌN DƯƠNG Thổ			10 DẬU ÂM Kim
4 MÃO ÂM Mộc			11 TUẤT DƯƠNG Thổ
3 DẦN DƯƠNG Mộc	2 SỬU ÂM Thổ	1 TÝ DƯƠNG Thủy	12 HỢI ÂM Thủy

Lưu ý 2: Những số viết vào cạnh CAN – CHI đều là số thứ tự, không ăn nhằm gì vào với số Hà Lạc cả.

V. Cách an Bát tự:

Thuộc kỹ Can Chi rồi đếm xuôi, đếm ngược đều lâu thông, phân biệt Âm Dương Ngũ Hành rành rẽ, bây giờ đi vào việc An Bát Tự được. Trên đã nói, số có 4 yếu tố, vậy phải đi lần lượt 4 giai đoạn:

1. An Can Chi của năm sinh tức tuổi.
2. An Can Chi của tháng sinh.
3. An Can Chi của ngày sinh.
4. An Can Chi của giờ sinh.

1. An Can Chi năm sinh:

Dùng bàn tay 12 Chi, hoặc Địa Bàn 12 Cung (xem hình trang 18 và 19), cần thuộc kỹ Can – Chi và đếm ngược xuôi mau lẹ.

CON TIẾP